

ÔN TẬP CUỐI NĂM

(11 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Ôn tập về số và phép tính:
 - Viết số theo cấu tạo thập phân của số, viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị.
 - Khái quát cách đọc và viết số trong phạm vi 1 000.
 - Tia số.
 - Ước lượng theo nhóm chục.
 - Tính nhẩm.
 - Thực hiện các phép tính cộng, trừ trong phạm vi 1 000.
 - Vận dụng mối liên hệ cộng, trừ để tìm thành phần trong phép cộng, phép trừ.
 - Củng cố khái niệm phép nhân, phép chia. Thực hiện các phép nhân, phép chia (trong bảng).
 - Giải quyết vấn đề đơn giản.
- Ôn tập về hình học và đo lường:
 - Nhận dạng, gọi tên: điểm, đoạn thẳng, đường gấp khúc, đường thẳng, đường cong, hình tam giác, hình tứ giác, hình vuông, hình chữ nhật, khối lập phương, khối hộp chữ nhật, khối trụ, khối cầu.
 - Xếp hình.
 - Tính độ dài đường gấp khúc.
 - Tính toán với các đơn vị đo độ dài, đo khối lượng.
 - Chuyển đổi đơn vị đo độ dài.
 - Xem giờ, thời điểm, khoảng thời gian.
- Một số yếu tố thống kê và xác suất:
 - Thu thập, phân loại, kiểm đếm, đọc, nhận xét đơn giản biểu đồ tranh.
 - Mô tả khả năng xảy ra với các từ: có thể, chắc chắn, không thể.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; mô hình hoá toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán; giải quyết vấn đề toán học; giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

Phẩm chất: yêu nước.

B. Thiết bị dạy học

GV & HS: 8 khối lập phương, bộ xếp hình, hình vẽ bài 7 (số).

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

HS múa hát.

LUYỆN TẬP

ÔN TẬP CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 1 000

Bài 1:

– GV hướng dẫn mẫu, giúp HS (nhóm đôi) **nhận biết** thứ tự việc cần làm: **đếm** theo **nhóm** (trăm, chục, đơn vị) – **viết** (viết số vào cột và viết số thành tổng các trăm, các chục và các đơn vị).

Ví dụ:

- Đếm theo cột (3 trăm, 7 chục, 4 đơn vị).
- Điền số vào ô trong bảng (ô ở cột trăm viết số 3, ô ở cột chục viết số 7, ...).
- Viết số thành tổng các trăm, các chục và các đơn vị (viết vào bảng con).

– HS **thực hiện** cá nhân rồi chia sẻ với bạn.

– Sửa bài: GV khuyến khích HS **giải thích** cách làm (nếu cần, GV có thể cho HS dùng mô hình các thẻ trăm, thanh chục và khối lập phương để minh họa.)

Sau khi sửa bài, GV giúp HS khái quát hoá mối quan hệ giữa nghìn, trăm, chục, đơn vị (1 nghìn = 10 trăm, 1 trăm = 10 chục, ...).

Bài 2:

– HS thực hiện nhóm đôi: **Thảo luận, nhận biết:**

- Một bảng: **đọc** số
- Một bảng: **viết** số.

• Cách làm:

+ **Đọc số:** đọc các số đã cho ở cột viết số.

+ **Viết số:** dựa vào cột đọc số để viết số.

– HS có thể **thực hiện** như sau:

- Viết số vào bảng con rồi đọc cho bạn nghe.

– Sửa bài, **khuyến khích** HS **trình bày** theo nhóm (một HS viết số lên bảng lớp hoặc đưa bảng con lên, cả lớp đọc số hoặc ngược lại một HS đọc số, cả lớp viết số vào bảng con).

(GV có thể đọc từng số, HS viết bảng con hoặc viết từng số cho HS đọc).

– GV giúp HS khái quát hoá cách đọc và viết các số có ba chữ số.

Bài 3:

– GV cho HS **đọc** yêu cầu.

– HS **thảo luận** (nhóm bốn) tìm cách làm: thêm 1, thêm 2, thêm 5, thêm 10.

– HS **thực hiện** cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm bốn.

– Sửa bài: GV gọi HS đọc bài làm theo nhóm (mỗi nhóm đọc một dãy số), GV khuyến khích HS **nói** cách làm.

* Mở rộng

GV hỏi cho HS nhắc lại:

Để đếm nhanh, khi nào nên đếm thêm (hoặc đếm bớt) 2, 5 hay 10? Cho ví dụ.

- Thêm (hoặc bớt) 2: Số lượng nhiều, đặc biệt khi xuất hiện các “cấp”.

Ví dụ: Đếm chân của nhiều con vật 2 chân (gà, vịt, chim, ...).

- Thêm (hoặc bớt) 5: Khi có các nhóm 5.

Ví dụ: Mỗi hộp có 5 cái bánh, ...

- Thêm (hoặc bớt) 10: Khi có các nhóm 10, hoặc khi đếm số chục.

Ví dụ: Mỗi xâu bánh ú có 10 cái, ...

Đặc điểm **số tròn chục**: số có 0 đơn vị.

Bài 4:

– **Tìm hiểu, nhận biết:** Có 4 lớp gấp hạc giấy, tìm số hạc giấy của mỗi lớp gấp được.

Bài này nên dựa vào đặc điểm chỉ số lượng hạc giấy của từng lớp để **tìm** số thích hợp.

– HS **thảo luận** và **làm bài**.

– Sửa bài, GV giúp HS giải thích.

Ví dụ: Lớp 2A – số tròn chục lớn nhất có hai chữ số, là 90.

Lớp 2B – nhiều hơn 2A 5 con hạc, là 95 (90 thêm 5).

Lớp 2C – số liền trước 110, là 109 (110 bớt 1).

Lớp 2D – số liền sau 110, là 111 (110 thêm 1).

...

Bài 5: HS thực hiện theo nhóm bốn.

– Khi sửa bài, GV khuyến khích HS **giải thích**.

– GV giúp HS khái quát hoá cách so sánh các số có ba chữ số.

- HS có thể giải thích trên hai số cụ thể (ví dụ: 4 trăm < 5 trăm, ...).

- HS có thể giải thích khái quát (ví dụ: số trăm bé hơn thì số bé hơn, ...).

- Hoặc HS có thể dựa vào cấu tạo thập phân của số để so sánh

(ví dụ: số 378 gồm 3 trăm, 7 chục và 8 đơn vị).

Sau đó, GV có thể hệ thống lại:

So sánh số trăm, số nào có số trăm lớn hơn thì số đó lớn hơn.

Số trăm bằng nhau, so sánh số chục, số nào có số chục lớn hơn thì số đó lớn hơn.

Số trăm và số chục đều bằng nhau, so sánh số đơn vị, số nào có số đơn vị lớn hơn thì số đó lớn hơn.

Số có nhiều chữ số hơn thì lớn hơn số có ít chữ số.

Ví dụ: số có 3 chữ số lớn hơn số có 2 (hay 1) chữ số.

(cũng có thể dựa vào tìm tổng theo cấu tạo thập phân của số)

...

Bài 6:

– HS **thảo luận, nhận biết**:

a) Số: Từ lớn đến bé.

Xác định bắt đầu từ số lớn nhất và **sắp xếp** các số từ lớn đến bé:

614; 594; 575; 570.

Dựa vào dãy số trên, **thông báo**: đổi vị trí hộp xanh lá và hộp tím.

b) Số: Từ bé đến lớn.

Xác định bắt đầu từ số bé nhất và **sắp xếp** các số từ bé đến lớn:

369; 407; 417; 419.

Dựa vào dãy số trên, **thông báo**: đổi vị trí hộp cam và hộp hồng.

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** tại sao chọn các hộp đó để đổi chỗ.

Bài 7:

– Ước lượng số quả dâu:

* GV cho HS **xem tranh, nhận biết** yêu cầu.

* HS thảo luận nhóm đôi để tìm cách làm và **thực hiện** rồi nói kết quả.

HS nói trước lớp (GV khuyến khích HS vừa nói vừa thao tác trên hình vẽ được GV treo trên bảng lớp: có 11 nhóm, mỗi nhóm khoảng 10 quả dâu. Em đếm: 10, 20, 30, 40, 50, ..., 100, 110. Có khoảng 110 quả dâu).

– Khi sửa bài, GV có thể treo tranh cho HS **trình bày** cách làm trực tiếp trên tranh.

ÔN TẬP PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ

Bài 1:

– HS nhóm đôi **tìm hiểu** bài, **xác định** cái đã cho:

- Hình A có bao nhiêu bút chì? (đếm thêm chục, đếm tiếp số bút lẻ).
- Hình B có bao nhiêu bút chì? (đếm thêm chục, đếm tiếp số bút lẻ).

– Bài toán hỏi gì? (HS đọc yêu cầu bài toán)

a) Tổng.

b) Hiệu.

– Sửa bài: GV khuyến khích HS **trình bày** phép tính và **giải thích** cách làm.

– Lưu ý HS, tìm hiệu hai số cũng chính là tìm xem hai số hơn kém bao nhiêu.

Bài 2:

– HS thực hiện nhóm đôi: Đọc phép tính và nói kết quả cho bạn nghe.

– Sau khi sửa bài, GV giúp HS hệ thống lại cách cộng, trừ nhằm các số tròn trăm, tròn chục: coi chục, trăm là đơn vị đếm.

Ví dụ: $80 + 20$

$$8 \text{ chục} + 2 \text{ chục} = 10 \text{ chục}$$

$$80 + 20 = 100.$$

Bài 3:

– **Tìm hiểu**, nhận biết: **đặt tính rồi tính**

GV hỏi để hệ thống hoá:

- Cách đặt tính
- Cách tính (nếu có nhớ thì sao)
- Nên giới thiệu cách kiểm tra kết quả (dùng mối quan hệ cộng, trừ; riêng đối với phép cộng, có thể dùng thêm tính chất giao hoán để kiểm tra).

Bài 4: HS thảo luận để chọn vé xe.

– HS (nhóm đôi) **tìm hiểu** bài, **nhận biết**:

Thực hiện phép tính cộng để tìm xe, vé có tổng là 555 hay 888 để lên đúng xe.

– Khi sửa bài, GV có thể mô phỏng theo SGK, bằng cách viết các phép tính ra bảng con, cho HS thực hiện phép tính để tìm đúng xe cho các bạn.

* Mở rộng: liên hệ giáo dục HS lịch sự khi tham gia lưu thông bằng các phương tiện giao thông công cộng (lên đúng xe, ngồi đúng chỗ, trên xe không ồn ào, không xả rác, ...).

Bài 5:

– HS (nhóm đôi) **tìm hiểu** bài, **nhận biết** yêu cầu: tìm số bị che đi ở mỗi phép tính (dựa vào mối liên hệ cộng, trừ hoặc sơ đồ tách – gộp số để tìm thành phần chưa biết của phép tính).

– HS làm bài cá nhân, thử lại rồi chia sẻ với bạn.

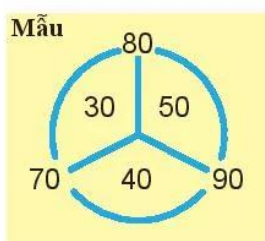
– HS **trình bày**, khuyến khích HS **gọi tên** các thành phần trong phép cộng (phép trừ) rồi **nói** cách làm.

Mở rộng: giúp HS **hệ thống** lại cách tìm thành phần trong phép cộng, phép trừ bằng cách vận dụng mối liên hệ cộng, trừ hoặc sơ đồ tách – gộp số.

Bài 6:

– **Tìm hiểu** bài.

- Yêu cầu của bài là gì? (**Tìm số bị che**)
- Tìm thế nào?



80 gồm 50 và 30

$$30 + 50 = 80$$

$$50 + 30 = 80$$

$$80 - 50 = 30$$

$$80 - 30 = 50$$

– HS **làm** bài theo nhóm đôi.

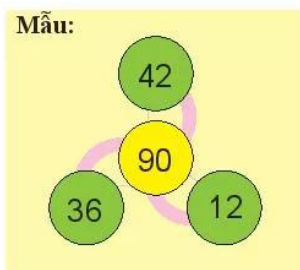
– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** cách làm (tại sao chọn số đó?).

* Mở rộng: Giúp HS **hệ thống** lại cách tìm thành phần trong phép cộng, phép trừ (dựa vào mối liên hệ cộng, trừ hoặc sơ đồ tách – gộp số).

Bài 7:

– **Tìm hiểu** bài.

- Yêu cầu của bài là gì? (**Số?**)
- Tìm thế nào?



$$36 + 42 + 12 = 90$$

$$90 - 42 - 12 = 36$$

$$90 - 12 - 36 = 42$$

$$90 - 36 - 42 = 12$$

– HS **làm** bài theo nhóm đôi.

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** cách làm (tại sao chọn số đó?).

* Mở rộng: vận dụng mối liên hệ cộng, trừ hay sơ đồ tách – gộp số, giúp HS **hệ thống** lại cách tìm tổng hay tìm số hạng.

Bài 8:

– HS xác định cái đã cho và câu hỏi của bài toán, xác định việc cần làm: **giải bài toán**.

– HS **làm** bài cá nhân.

– Sửa bài: GV khuyến khích nhiều nhóm **trình bày** bài giải (có **giải thích** cách làm: chọn phép trừ vì tìm xem ít hơn bao nhiêu).

GV lưu ý HS khi so sánh để tìm xem nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu có một cách làm (thực hiện phép tính trừ), nhưng có hai cách nói:

- Nhiều hơn (khi so sánh số lớn với số bé).
- Ít hơn (khi so sánh số bé với số lớn).

Bài 9:

– HS xác định cái đã cho và câu hỏi của bài toán, xác định việc cần làm: **Giải bài toán**.

– HS **làm** bài cá nhân.

– Sửa bài: GV khuyến khích nhiều nhóm **trình bày** bài giải (có **giải thích** cách làm: chọn phép cộng vì tìm tất cả).

Đất nước em

Cuộn rơm có dạng khối trụ.

GV có thể giới thiệu sơ lược: **Long An** là một tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam.

Tìm vị trí tỉnh Long An trên bản đồ (SGK trang 114).

ÔN TẬP PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA

Bài 1:

– HS **tìm hiểu** mẫu, **nhận biết**:

- **Quan sát** hình ảnh, **viết** tổng các số hạng bằng nhau, **tính** tổng để tìm số trái thom có tất cả.
- **Viết** tổng các số hạng bằng nhau thành phép nhân.
- Dùng phép nhân **viết** hai phép chia tương ứng.

Có 3 nhóm, mỗi nhóm 6 trái thom: $6 + 6 + 6 = 18$.

Tổng có 3 số hạng, mỗi số hạng đều bằng 6, 3 lần 6: $3 \times 6 = 18$.

Viết hai phép chia tương ứng: $18 : 3 = 6$ $18 : 6 = 3$

– HS **thực hiện** các câu a, b trên bảng con.

– Khi sửa bài, GV khuyến khích HS **trình bày** cách làm.

Bài 2:

– HS (nhóm đôi) **tìm hiểu** bài, **nhận biết**:

Yêu cầu của bài:

a) **Đọc** bảng nhân, chia

b) **Đọc** cặp phép tính tương ứng.

– HS **đọc** cho nhau nghe.

– Sửa bài: GV có thể cho HS chơi “TÌM BẠN”.

- GV cho HS viết một phép tính nhân (hoặc một phép chia) trong bảng đã học.
- Theo hiệu lệnh của GV (hoặc cho cả lớp hát một bài), HS ghép được một phép nhân với hai phép chia tương ứng.

Nhóm nào ghép được trước nhất thì thắng cuộc.

GV cho nhóm đọc các phép tính trong nhóm mình cho cả lớp nhận xét.

- GV cho HS đọc bảng nhân, chia.

...

Bài 3:

– HS (nhóm đôi) **tìm hiểu** bài, **nhận biết**: **tính nhẩm**.

– HS thực hiện nhóm đôi: đọc phép tính và nói kết quả cho bạn nghe.

Bài 4:

– HS xác định cái đã cho và câu hỏi của bài toán, xác định việc cần làm: **Giải bài toán**.

– Sửa bài: GV khuyến khích nhiều nhóm **trình bày** bài giải (có **giải thích** cách làm: tại sao chọn phép tính đó?).

Bài 5:

– HS nhóm đôi **tìm hiểu** bài, **nhận biết** yêu cầu “điền dấu phép tính”.

– HS thảo luận nhóm đôi để tìm cách làm và **thực hiện** rồi nói kết quả.

– Khi sửa bài, HS trình bày cách làm.

GV có thể lưu ý để HS **nhận biết**:

- Nếu kết quả tăng so với các thành phần tham dự phép tính thì nghĩ tới phép tính cộng, phép nhân.
- Nếu kết quả giảm so với các thành phần tham dự phép tính thì nghĩ tới phép tính trừ, phép chia.

$$10 : 5 = 2 \qquad 10 \times 2 = 20$$

$$10 - 2 = 8 \qquad 10 + 5 = 15$$

Bài 6:

– Nhóm hai HS tìm **hiểu bài, nhận biết**:

- Yêu cầu của bài: **Số?**
- Tìm thế nào? (Thực hiện lần lượt các phép tính từ trái sang phải).

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** tại sao điền như vậy.

GV lưu ý HS kiểm tra kết quả (bằng cách thực hiện ngược lại từ phải sang trái).



Ví dụ: $5 \times 4 = 20$; $20 : 2 = 10$; $10 \times 5 = 50$; $50 - 32 = 18$; $18 : 2 = 9$.

ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

Bài 1:

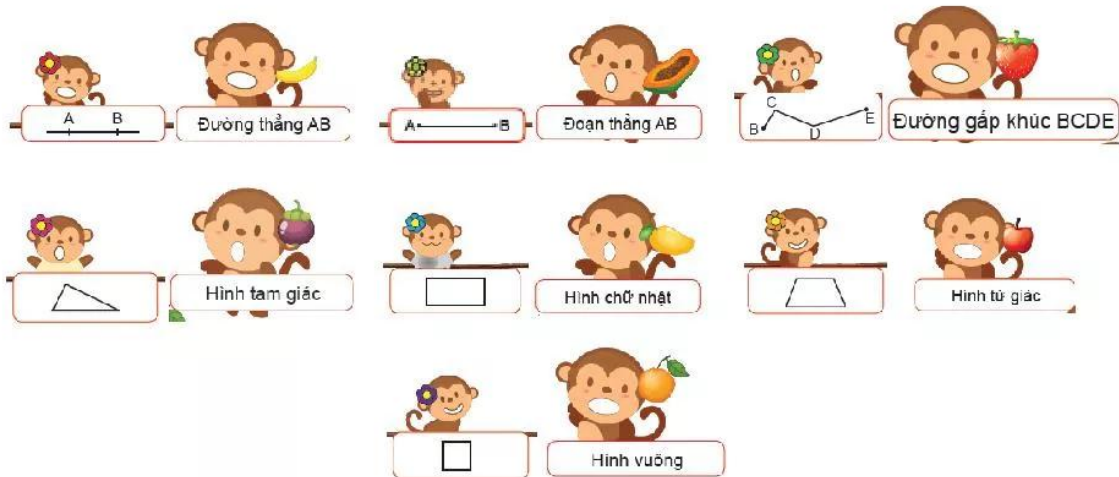
– **Tìm hiểu** bài:

- **Quan sát** hình vẽ, em **nhận biết** điều gì? (có 7 khỉ con, mỗi khỉ con gắn với một hình; có 7 khỉ mẹ, mỗi khỉ mẹ cầm bằng tên gọi một hình).
- Bài toán yêu cầu gì? (HS **đọc** yêu cầu của bài toán).

– HS thực hiện nhóm đôi: **Thảo luận** và **làm bài**.

GV lưu ý HS đọc tên hình (của khỉ con) để tìm khỉ mẹ.

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** tại sao chọn như vậy.



Bài 2:

– **Tìm hiểu** bài:

- **Quan sát** hình vẽ, em **nhận biết** điều gì? (Có 3 con đường để giúp bạn Sơn băng qua sông: đường đỏ, đường vàng và đường xanh lá. Có 2 đồng hồ ở 2 bờ sông.)
- Bài toán yêu cầu gì? (HS **đọc** yêu cầu của bài toán).
 - a) Nhận dạng, xác định đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc.
 - b) Đo rồi tính.
 - c) Xem đồng hồ.

– HS thực hiện nhóm bốn: **Thảo luận** và **làm bài**.

HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ với bạn.

– HS **trình bày**, GV khuyến khích HS **giải thích** cách làm (kết hợp với tranh vẽ).

Ví dụ:

- a) HS có thể chỉ vào bức tranh để **xác định** các loại đường.
- b) **Đo** rồi **đọc** số đo, **viết** phép tính lên bảng, nói câu trả lời.
- c) Xem đồng hồ, **nói** giờ, **xoay** kim đồng hồ để **tính** khoảng thời gian.

...

Bài 3:

– HS nhóm bốn **tìm hiểu** bài, nhận biết: **Đơn** đơn vị đo.

– HS **thực hiện**.

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** tại sao điền như vậy.

– GV giúp HS hệ thống hoá mối quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài đã học.

Bài 4:

– GV giúp HS **xác định** khoảng thời gian 1 giờ hay 1 phút.

– HS nhóm bốn **tìm hiểu** bài, nhận biết:

Hình vẽ các việc làm quen thuộc. Xác định khoảng thời gian cần để thực hiện công việc đó.

– HS **thực hiện**.

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** cách làm.

Ví dụ: Đánh răng trong 1 phút (vì việc đánh răng diễn ra nhanh, ...).

Thử thách

– HS xác định cái đã cho và câu hỏi của bài toán, xác định việc cần làm: **Giải bài toán**.

– Sửa bài: GV khuyến khích nhiều nhóm **trình bày** bài giải (có **giải thích** cách làm).

* Sau khi sửa bài, GV có thể giáo dục HS ăn uống hợp lí, tránh thừa cân, béo phì; nói vài tác hại của béo phì.

Bài 5.

– GV có thể cho HS thực hiện theo nhóm hai (hoặc nhóm bốn).

Một HS xếp 1 hình.

(HS có thể xếp hình theo mẫu trong SGK, cũng có thể xếp hình một người đang vận động khác mà em thích).

– Khi đã xếp xong, khuyến khích các em **tưởng tượng** và **mô tả**.

Ví dụ: Đầu là hình vuông, thân là hình tam giác, chân là hình tứ giác, ...

* Mở rộng:

GV giáo dục HS tập thể dục thường xuyên và đều đặn giúp cơ thể khỏe mạnh, trí óc minh mẫn, ...

Đất nước em

Các phiên địa có dạng hình gì? (Khôi trụ)

GV giới thiệu: Ghềnh Đá Đĩa (ở tỉnh Phú Yên), không chỉ nổi tiếng với những bãi biển đẹp mà còn được biết đến với địa danh *Ghềnh Đá Đĩa* tuyệt tác của thiên nhiên.

Hoạt động thực tế

Tìm vị trí tỉnh Phú Yên trên bản đồ (SGK trang 114).

ÔN TẬP: BIỂU ĐỒ TRANH CÓ THỂ, CHẮC CHẴN, KHÔNG THỂ

Bài 1: Thu thập, phân loại dữ liệu, kiểm đếm, thể hiện kết quả kiểm đếm trên một bảng cho sẵn.

a) Thu thập, phân loại, kiểm đếm và thể hiện kết quả đếm trên một bảng cho sẵn.

• Thu thập

GV giới thiệu: Tìm hiểu về rau củ thu hoạch ở vườn nhà bác Năm trong một ngày, người ta thu thập được số lượng như hình vẽ (SGK trang 111).



- **Phân loại**

– Người ta phân loại rau củ thành mấy loại? Kể tên.

- **Kiểm đếm**

– HS đếm số lượng của mỗi loại rau củ và ghi chép kết quả đếm.

– HS thông báo kết quả, GV viết trên bảng lớp.



Bắp cải: 5 cái

Cà tím: 6 trái

Cà chua: 7 trái

Su hào: 8 củ

- **Thể hiện kết quả kiểm đếm trên một bảng cho sẵn.**

– Đặt  vào khung: 1  / cái (trái, củ).

b) Đọc và nhận xét đơn giản biểu đồ tranh.

– HS (nhóm đôi) xem biểu đồ và trả lời câu hỏi (HS nói cho nhau nghe).

– Sửa bài, GV có thể cho HS thao tác trên bảng lớp, **khuyến khích** HS giải thích.

Ví dụ: Chỉ cần nhìn vào sơ đồ, ta thấy ngay:

Cà chua nhiều hơn cà tím 1 trái (Yêu cầu HS chỉ phần nhiều hơn).

Bài 2:

– Nhóm hai HS tìm **hiểu bài, nhận biết**:

Yêu cầu của bài: **chọn** từ thích hợp điền vào chỗ trống.

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** tại sao điền như vậy, chẳng hạn:

a) **chắc chắn** (vì cả hai khối lập phương đều màu đỏ).

b) **không thể** (vì cả hai khối lập phương đều màu xanh).

c) **có thể** (vì có một khối lập phương màu đỏ và một khối lập phương màu xanh).

Đất nước em

Đếm các loại rau củ trong hình (liệt kê/kể tên để đếm cho dễ).

GV giới thiệu: Đà Lạt (tỉnh Lâm Đồng) có nhiều tài nguyên thiên nhiên, là một trong những điểm du lịch nổi tiếng của Việt Nam, một vùng nông nghiệp trù phú đặc biệt với những sản phẩm rau và hoa. Đà Lạt còn được biết đến với nhiều tên gọi khác như “Thành phố mù sương”, “Thành phố ngàn thông”, “Thành phố ngàn hoa”, “Xứ hoa anh đào”, ...

Hoạt động thực tế

Tìm vị trí tỉnh Lâm Đồng trên bản đồ (SGK trang 114).

Mỗi bữa cơm em cần ăn nhiều rau củ sẽ tốt cho sức khỏe (vì các loại rau củ cung cấp thêm vi-ta-min và dưỡng chất cho cơ thể).